

CÔNG TY TNHH FUJIN VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH FUJIN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FUJIN VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: FUJIN VIỆT NAM CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108144494

3. Ngày thành lập: 24/01/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô 20, Liền kề 10, Tổ 10, Khu đấu giá Mậu Lương, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng (Thông tư 43/2014/TT-BYT và Thông tư số 26/2012/TT-BYT)	4722
2.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
3.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
4.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;	4659

5.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng (Điều 34, Nghị định 24a/2016/NĐ-CP)	4663
6.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết : Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
8.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
9.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng (Thông tư 43/2014/TT-BYT và Thông tư số 26/2012/TT-BYT)	4632
10.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
11.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
12.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí; - Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng	4329
13.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
14.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
15.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
16.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
17.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
18.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
19.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
20.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
21.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
22.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
23.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
24.	Bán buôn đồ uống	4633
25.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
26.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410

27.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng (Thông tư 43/2014/TT-BYT và Thông tư số 26/2012/TT-BYT)	1079(Chính)
28.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
29.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
30.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
31.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ hoạt động quán bar, vũ trường, karaoke)	5610
32.	Xây dựng công trình công ích	4220
33.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
34.	Xây dựng nhà các loại	4100
35.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
36.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
37.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
38.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	VŨ DUY HÙNG	Lô 20, Liền kề 10, Tổ 10, Khu đấu giá Mậu Lương, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	50,000	012445814	
2	TRẦN THỊ THOM	Chung cư Bemes, Số 339, đường 70B Cầu Bươu, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	50,000	031183003141	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ DUY HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 22/09/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012445814

Ngày cấp: 30/05/2013

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Lô 20, Liền kề 10, Tổ 10, Khu đấu giá Mậu Lương, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Lô 20, Liền kề 10, Tổ 10, Khu đấu giá Mậu Lương, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội